

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HS-ST

Ngày 23 - 11- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hải Thanh – Giáo viên trường tiểu học thị trấn Cam Lộ

2. Ông Nguyễn Văn Vinh – Giáo viên trường Lê Thế Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2023/TLST - HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/HSST-QĐ ngày 08/11/2023 đối với các bị cáo:

1. **Trần Văn H**, tên gọi khác: M, sinh ngày: 08/12/2006 tại Quảng Trị. Nơi cư trú: khu phố E, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. nghề nghiệp: thợ sơn; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M1, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1984, đều trú tại: Khu phố E, phường Đ, Tp ., tỉnh Quảng Trị; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C , có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Vũ T**, tên gọi khác: M2, sinh ngày: 31/10/2002 tại Quảng Trị. Nơi cư trú: khu phố F, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. nghề nghiệp: phụ xe; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn K, sinh năm 1974 (Đã chết), con bà Vũ Thị N, sinh năm: 1974, trú tại: Khu phố F, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có vợ: Hoàng Thị H1, sinh năm 2005; nơi cư trú: Thôn H, xã G, huyện G, Quảng Trị; có 01 con, sinh năm 2023; tiền sự: không

Tiền án: 01. Ngày 25/7/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm kết án 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 10/2023/HS-PT.

Về nhân thân:

- Ngày 08/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị kết án 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm

cấp tài sản” (bản án số 62/2020/HSST). Chấp hành xong thời gian thử thách ngày 08/9/2021.

- Ngày 27/7/2017 bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" bằng hình thức "Cảnh cáo".

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 31/8/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn T1**, tên gọi khác: M3, sinh ngày: 21/9/2004 tại Quảng Trị. Nơi cư trú: Khu phố F, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn K, sinh năm 1974 (Đã chết), con bà Vũ Thị N, sinh năm: 1974, trú tại: Khu phố F, phường E, tp ., tỉnh Quảng Trị; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 31/8/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Đoàn Trung K1**, sinh ngày: 18/11/2006 tại Quảng Trị. Nơi cư trú: khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. nghề nghiệp: học sinh Trường L7; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Trọng Q, sinh năm 1978, con bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm: 1982, trú tại: Khu phố G, phường E, tp ., tỉnh Quảng Trị; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 31/8/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. **Hoàng Thành C**, sinh ngày: 17/8/2006 tại Quảng Trị. Nơi cư trú: khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. nghề nghiệp: học sinh Trường L7; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Thành L; sinh năm: 1971; con bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm: 1974, trú tại: Khu phố G, phường E, tp ., tỉnh Quảng Trị; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 31/8/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

6. **Lê Tùng D**, tên gọi khác: L1, sinh ngày: 05/9/2006 tại Quảng Trị. Nơi cư trú: khu phố F, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngũ H3, sinh năm: 1982, trú tại: khu phố F, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và bà Nguyễn Thị Xuân T3, sinh năm: 1985, trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 31/8/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

7. **Trần Đức K2**, tên gọi khác: B1, sinh ngày 01/01/2007 tại Quảng Trị. Nơi cư trú: khu phố T, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P, sinh năm: 1981 và bà Lê Thị A, sinh năm: 1982, trú tại: Khu phố T, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không có;

Về nhân thân:

- Ngày 19/9/2022, bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức “Cảnh cáo”.

- Ngày 29/7/2022 bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức “Cảnh cáo”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 31/8/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Viết P1, sinh ngày: 27/7/2005, địa chỉ: khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn H:* Ông Trần Văn M1, sinh năm: 1978, địa chỉ: khu phố E, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (bố của bị cáo), có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn Trung K1:* Ông Đoàn Trọng Q, sinh năm: 1978, địa chỉ: khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (bố của bị cáo), có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Thành C:* ông Hoàng Thanh L2, sinh năm: 1971, địa chỉ: khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (bố của bị cáo), có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Tùng D:* ông Lê Ngũ H3, sinh năm: 1982, địa chỉ: khu phố F, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (bố của bị cáo), vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Đức K2:* Ông Trần Văn P, sinh năm: 1981, địa chỉ: khu phố T, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H:* Bà Nguyễn Thị Thủy T4, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Trung K1:* Bà Lê Thị Thủy N1, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thành C:* Bà Dương Thị L3, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Tùng D:* Bà Lê Thị Diệu H4, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức K2:* Ông Nguyễn Lương C1, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Đức C2, sinh năm: 1986, địa chỉ: thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Đoàn Tiến C3, sinh ngày: 01/8/2008, có mặt. Người đại diện hợp pháp của anh C3: Bà Trần Thị Ánh H5, sinh năm: 1972, cùng địa chỉ: khu phố A, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (mẹ của C3), vắng mặt.

- Anh Đặng Tuấn A1, sinh ngày 03/12/2008, Người đại diện hợp pháp của Anh: bà Hoàng Nữ Hạ H6, sinh năm: 1982, cùng địa chỉ: khu phố B, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (mẹ của A), đều có mặt.

- Anh Lê Bá Đ, sinh ngày: 13/7/2007, Người đại diện hợp pháp của Đ: Bà Hoàng Nữ Thục H7, sinh năm: 1980, cùng địa chỉ: khu phố I, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (mẹ của Đ), đều có mặt.

- Anh Trương Quốc T5, sinh ngày: 08/9/2007, có mặt. Người đại diện hợp pháp của T5: Bà Võ Thị H8, sinh năm: 1975, cùng địa chỉ: Khu phố I, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (mẹ của T5), vắng mặt.

- Anh Đào Văn K3, sinh ngày: 02/4/2007, Người đại diện hợp pháp của K3: Ông Đào Văn Á, cùng địa chỉ: khu phố T, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, đều có mặt.

- Bà Mai Thị L4, sinh năm: 1972, địa chỉ: thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Trần Thị Ánh H5, sinh năm: 1972, địa chỉ: khu phố A, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Hoàng Nữ Hoài P2, sinh năm: 1986, địa chỉ: khu phố B, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Võ Văn C4, sinh năm: 1984, địa chỉ: thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Võ Văn Q1, sinh ngày: 12/5/2005, địa chỉ: thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Xuân Q2, sinh ngày: 24/10/2005, địa chỉ: thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Đàm Minh T6, sinh ngày: 17/10/2007, Người đại diện hợp pháp của T6: Bà Đỗ Thị L5, sinh năm: 1983, cùng địa chỉ: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (mẹ của T6), đều vắng mặt.

- Anh Nguyễn Ngọc T7, sinh ngày: 09/02/2005, địa chỉ: khu phố I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Cao Vĩnh D1, sinh năm: 1960, địa chỉ: khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Trần Thị T8, sinh năm: 1966, địa chỉ: khu P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Phạm Xuân H9, sinh năm: 1993, địa chỉ: thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

Đại diện T9 phổ thông liên cấp Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị: ông Hoàng Hữu T10- chức vụ: Phó Hiệu trưởng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 22/3/2023, tại nhà của Trần Văn H, Khu phố E, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, Trần Văn H và Đoàn Tiến C3 đang ngồi chơi thì H nhớ lại trước đó có người tên H10 và nhóm của H10 ở huyện C gây sự với mình nên nảy sinh ý định trả thù. Huỳnh mượn điện thoại của Đoàn Tiến C3 gọi điện rủ Hoàng Thành C đến chơi, một lúc sau, Đoàn Trung K1 chở Hoàng Thành C đến nhà H. Tại đây, Huỳnh rủ mọi người “*Lên ráp Cam L6 hè*” (nghĩa là đi chém người ở C) thì cả nhóm đồng ý. Đến khoảng 19 giờ 00 cùng ngày, cả nhóm đến nhà của Nguyễn Vũ T, tại Khu phố F, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Tại nhà T có 07 người khác gồm: Nguyễn Vũ T, Nguyễn T3, Trần Đức K2, Lê Tùng D, Đặng Tuấn A1, Trương Quốc T5 và Lê Bá Đ. Khi đến, H thấy Nguyễn Vũ T đang hàn 01 cây dao phóng lợn để cất trong nhà phòng thân, thấy vậy H vào hàn 01 cây ba chĩa. Sau đó, T đưa cây dao phóng và cây ba chĩa vào cất trong nhà. Lúc này, vì thấy có sẵn các cây dao phóng, cây 3 chĩa nên H liền rủ cả nhóm “*Lên ráp*

Cam L6 hè” và nói thêm “*Lên chơi bọn C*” thì cả nhóm đồng ý. T lấy từ trong nhà ra 05 cây dao phóng và 01 cây ba chia, cả nhóm cầm hung khí, rồi cùng nhau đi lên C bằng xe mô tô, 02 người đi một xe. Xe 1: Đoàn Tiến C3 chở Trần Văn H bằng xe mô tô Sirius, màu đen, BKS: 74E1-061.23, H cầm một cây dao phóng; Xe 2: Nguyễn Vũ T chở Đặng Tuấn A1 bằng xe mô tô Wave Alpha, màu trắng, BKS: 74C1-499.09, Tuấn A1 cầm một cây 3 chia; Xe 3: Đoàn Trung K1 chở Hoàng Thành Công bằng xe mô tô Exciter 2010, màu đen, BKS 74B1-058.68, C3 cầm một cây dao phóng; Xe 4: Trương Quốc T5 chở Lê Bá Đ bằng xe mô tô Honda Dream, màu nâu, BKS 74F4-4601, Đ cầm một cây dao phóng; Xe 5: Lê Tùng D chở Nguyễn T3 bằng xe mô tô Sirius, màu trắng đen, BKS 74AC-011.84, T3 cầm một cây dao phóng; Xe 6: Đào Văn K3 chở Trần Đức K2 bằng xe mô tô Sirius màu đen, BKS 74K2 – 0756, K2 cầm một cây dao phóng. Tại thị trấn C, cả nhóm đi theo Huỳnh qua nhiều tuyến đường để tìm người đánh. Khi đến quán ăn vặt của anh Võ Văn C4, bên cạnh N2 có nhiều khách ngồi ăn. Lúc này, anh Nguyễn Viết P1, sinh năm 2005, trú tại Khu phố D, thị trấn C, huyện C đang ngồi trên xe máy điện dựng sát mép đường bên quán ăn nhìn về phía nhóm của H đang cầm dao đưa lên cao, liền chửi thề “*Đụ mẹ bây mần chi rứa*”. Khi nghe P1 chửi, H nói Đoàn Tiến C3 lái xe áp sát vị trí P1, khi cách P1 khoảng 2m, Huỳnh xoay người qua phải, hai tay cầm dao phóng lớn, chém từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, H vừa chém vừa chửi “*Thằng cha mi chửi ai*”. Khi bị chém, P1 xoay người bước ra khỏi xe thì bị trúng vào bàn tay trái, P1 bỏ chạy vào trong Nhà Thiếu nhi, bạn của P1 đang ngồi ở trong quán cũng bỏ chạy vào Nhà Thiếu nhi. H xuống xe cầm dao đuổi theo, Nguyễn T3, Đặng Tuấn A1 xuống xe cùng rượt đuổi theo với H, khi vừa chạy vào cổng, thấy đông người đang tập văn nghệ nên quay ra. Những người còn lại trong nhóm H, chưa kịp phản ứng thì đã thấy H quay ra. H tiếp tục dẫn cả nhóm đi vòng quanh N để tìm người bị chém và nhóm vừa bỏ chạy nhưng không thấy, H tiếp tục dẫn nhóm đi ra khu vực bờ hồ, gần sân tennis để tìm người mà H muốn chém. Lúc này, thấy có 02 nam thanh niên đi xe máy không rõ là ai, H rủ cả nhóm rượt đuổi nhưng không đuổi kịp nên cả nhóm quay về nhà T tại thành phố Đ. Tại đây, H được người bạn cho xem ảnh người vừa bị Huỳnh chém tại huyện C. Quan sát qua ảnh, H thấy người này không quen biết nên nói với cả nhóm đã chém nhầm người, rồi cả nhóm giải tán. Sau khi bị chém, anh Nguyễn Viết P1 được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Q. Trần Văn H bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 29/7/2023 bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại Bản kết luận giám định thương tổn số 118/KLTTCT-TTPY ngày 17/4/2023 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Q kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Viết P1 tại thời điểm giám định là: 15%. Thương tích trên do vật có cạnh sắc gây nên.

Tại Bản kết luận giám định số 555/KL-KTHS ngày 07/4/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Trên bề mặt lưỡi dao có máu của anh Nguyễn Viết P1.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKSCL ngày 10/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ truy tố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Vũ T, Nguyễn T3, Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D, Trần Đăng K4 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Vũ T, Nguyễn T3, Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D và Trần Đăng K4 phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, b khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 91 và 101 Bộ luật Hình sự xử phạt: Trần Văn H từ 24 đến 27 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự xử phạt: Nguyễn Vũ T từ 24 đến 30 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt: Nguyễn T3 từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo không có việc làm ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 17, 54, 58, 90, 91 và 100 BLHS xử phạt các bị cáo Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D và Trần Đức K2 mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các cây dao, thanh kim loại dùng vào việc phạm tội; tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô Yamaha, loại Sirius, màu đen, BKS: 74K2-0756; 01 xe mô tô Honda, loại DreamII, màu đen, BKS: 74F4-4601; 01 xe mô tô Yamaha, Exciter, màu đen, BKS: 74B1-05868; 01 điện thoại di động Iphone 7, màu đen, không có sim, màn bị vỡ ở phần dưới, là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Vũ T: 01 điện thoại Iphone 11 màu trắng, trong có 01 thẻ sim, có dãy số: 8984048000332335679; trả lại cho bà Trần Thị Ánh H5: 01 xe mô tô Yamaha, loại Sirius, màu đen, BKS: 74E1-061.23; Trả lại cho bà Hoàng Nữ Hoài P2: 01 xe mô tô Honda, loại Wave Alpha, màu trắng, BKS: 74C1-499.09; trả lại cho Đào Văn K3: 01 điện thoại di động IPHONE 6, màu vàng, số IMEI: 356977069484557; trả lại cho Trần Văn H: 01 điện thoại di động, bàn phím bấm, màu đen, nhãn hiệu N1280, số IMEI: 353408/04/807227/4 có gắn 01 sim mạng Viettel, số điện thoại 0963.985.080.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường đầy đủ, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

- Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến có ý kiến gì về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trình bày lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa của bị cáo Trần Văn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H từ 21 đến 24 tháng tù.

Người bào chữa của bị cáo Lê Tùng D, Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Trần Đức K2 đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo từ 06 - 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị hại anh Nguyễn Viết P1 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Vũ T, Nguyễn T3, Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D, Trần Đăng K4.

Đại diện T9 liên cấp CĐSP tỉnh Quảng Trị đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, và đề nghị thông báo kết quả xét xử cho nhà trường để nhà trường có phương án giáo dục các học sinh của trường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện, nội dung lời khai phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: do có mâu thuẫn từ trước với đối tượng tên H10 ở C, chiều tối ngày 22/3/2023, bị cáo Trần Văn H rủ các bị cáo Nguyễn Vũ T, Nguyễn T3, Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D, Trần Đăng K4 lên C để tìm đối tượng H10 đánh trả thù, các bị cáo đồng ý. Khi đến thị trấn C, thấy anh Nguyễn Viết P1 đang ngồi trên xe máy điện dựng sát mép đường bên quán ăn nhìn về phía nhóm của H, chửi thề. H nói Đoàn Tiến C3 lái xe áp sát vị trí P1, khi cách P1 khoảng 2m, Huỳnh xoay người qua phải, hai tay cầm dao phóng lộn, chém từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, H vừa chém vừa chửi “*Thằng cha mi chửi ai*”. P1 xoay người bước ra khỏi xe thì bị trúng vào bàn tay trái, gây thương tích: 15%. Bị cáo Trần Văn H và anh Nguyễn Viết P1 không quen biết và không mâu thuẫn từ trước, nhưng từ một lời thách thức vô cớ bị cáo H đã có hành vi dùng dao chém anh P1 gây thương tích. Do đó hành vi của bị cáo H đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “phạm tội có tính chất côn đồ” và “dùng hung khí nguy hiểm”. Bị cáo H là người khởi xướng, chủ mưu, là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo còn lại gồm Nguyễn Vũ T, Nguyễn T3, Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D và Trần Đức K2: mặc dù bị cáo Huỳnh k thực hiện hành vi chém anh P1 không có sự trao đổi trước với các bị cáo, tuy nhiên các bị cáo đều đồng thuận trong việc chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, thấy rõ bị cáo Huỳnh chém anh P1 và cùng bị cáo Huỳnh r đuổi anh P1. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi nguy hiểm cho xã hội của bị cáo H và chấp nhận hậu quả do bị cáo H gây ra. Vị trí, vai trò của các bị cáo Nguyễn Vũ T, Nguyễn T3, Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D và Trần Đức K2 là giúp sức. Như vậy, có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Điều luật có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm.

[3] Tình tiết tăng nặng: không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại đầy đủ cho bị hại, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều

51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đoàn Trung K1, có bố được tặng nhiều Huy chương trong công tác nên áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị hại anh Nguyễn Viết P1 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Vũ T, Nguyễn T3, Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D và Trần Đức K2 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về mức hình phạt: hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, thể hiện sự coi thường pháp luật.

[5.1] Đối với bị cáo Trần Văn H là chủ mưu, khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích cho anh P1 nên xử mức cao nhất và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo H là người chưa thành niên nên áp dụng các quy định tại Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo.

[5.2] Đối với bị cáo Nguyễn Vũ T tích cực trong việc chuẩn bị công cụ phạm tội, nhân thân xấu đã nhiều lần bị Tòa án xét xử, trong đó ngày 25/7/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm kết án 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 10/2023/HS-PT), bản án này bị cáo đang tạm hoãn thi hành án do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ răn đe, giáo dục bị cáo và áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt tại Bản án số 10/2023/HS-PT đối với bị cáo.

[5.3] Đối với các bị cáo còn lại gồm Nguyễn T3, Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D và Trần Đức K2 vị trí vai trò thấp hơn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng để giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Các bị cáo Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D và Trần Đức K2 là người chưa thành niên nên áp dụng Điều 91 và Điều 100 của Bộ luật hình sự để xem xét cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn T3 không có việc làm ổn định; các bị cáo Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D và Trần Đức K2 là người dưới 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[6] Về các vấn đề khác của vụ án:

- Đối với hành vi của 05 người còn lại trong nhóm của Trần Văn H gồm: Đoàn Tiến C3, Đào Văn K3, Trương Quốc T5, Đặng Tuấn A1 và Lê Bá Đ đều đồng phạm với bị cáo Trần Văn H tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội những người này đều trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự thì những người trên không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định.

- Đối với hành vi của 12 người trong nhóm của Trần Văn H điều khiển xe, mang theo hung khí từ thành phố Đ lên thị trấn C nhằm mục đích tìm người để gây thương tích nhưng quá trình di chuyển trên đường, không có hành vi gây náo loạn, cản trở, ách tắc giao thông, làm mất trật tự. Tại thị trấn C hành vi gây thương tích diễn ra nhanh chóng, không gây náo động tại nơi công cộng, không cản trở hoạt động chung của khu dân cư, nơi công cộng. nên không cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại Điều 318 Bộ luật hình sự.

[7] Xử lý vật chứng:

- 01 cây dao bằng kim loại, dài 160,5cm, cán bằng kim loại dạng trụ tròn, dài 120,5cm, đường kính 02cm, lưỡi bằng kim loại dài 40cm, rộng 7,5cm, mũi dao bằng, trên bề mặt lưỡi dính nhiều chất màu nâu, có khắc dòng chữ “HUNG”. Phần lưỡi dao đã được niêm phong; 01 cây dao bằng kim loại, kích thước dài 167cm, lưỡi bằng kim, dài 38cm, vị trí rộng nhất dài 7cm, cán bằng kim loại hình trụ tròn, đường kính 2cm, phần cuối cây dao 65cm có gắn 01 con vít bằng kim loại; 01 thanh kim loại hình trụ tròn dài 180cm, đường kính 2cm, một đầu rỗng, một đầu có gắn 02 thanh kim loại màu sáng, một đầu nhọn, mỗi thanh dài 45cm, hình trụ tròn; 01 ống kim loại dài 209cm, đường kính 02cm. Đây là vật chứng dùng vào việc phạm tội, có giá trị không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 ống kim loại dài 68cm, đường kính 68cm, đường kính 02cm. Đây là tài sản của Nguyễn Vũ T, bỏ trên giường ngủ để phòng thân, không liên quan đến vụ án nhưng bị cáo không yêu cầu lấy lại nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô Yamaha, loại Sirius, màu đen, BKS: 74E1-061.23, số khung: RLCS3S3106Y052109, số máy: 3S31-052109. Đây là xe của bà Trần Thị Ánh H5, bà H5 không biết Đoàn Tiến C3 sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bà Trần Thị Ánh H5.

- 01 xe mô tô Yamaha, loại Sirius, màu đen, BKS: 74K2-0756, số khung: RLCS5C6308Y087975, số máy: 5C63-087975. Đây là xe của Đào Văn K3, mặc dù K3 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng K3 đã dùng chiếc xe vào phương tiện phạm tội nên căn cứ khoản 3 Điều 47 của Bộ luật hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô Honda, loại DreamII, màu đen, BKS: 74F4-4601, số khung: HS1FD41A7Y1007331, số máy: CF100E006231. Đây là xe của Nguyễn Vũ T dùng làm phương tiện phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô Yamaha, Exciter, màu đen, BKS: 74B1-05868, số khung: RLCE1S9407Y011073, số máy: 1S94-011073 tạm giữ từ Đoàn Trung K1; Đây là xe của Đoàn Trung K1 mua lại từ người khác, dùng làm phương tiện phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô Honda, loại Wave Alpha, màu trắng, BKS: 74C1-499.09, số khung: RLHJA3920NY126844, số máy: JA39E-2623760 của bà Hoàng Nữ Hoài P2 là dì của Lê Bá Đ cho Đ mượn, bà P2 không biết Đ dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bà P2.

- 01 điện thoại di động IPHONE 6, màu vàng, số IMEI: 356977069484557 Là tài sản của Đào Văn K3, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho Đào Văn K3.

- 01 điện thoại Iphone 11, màu trắng, số SERI: DX3F96WXN72K, số IMEI 1: 356871113684041, số IMEI 2: 356871113641132, bên trong có 01 thẻ sim, có dãy số: 8984048000332335679. Là tài sản của Nguyễn Vũ T, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho Nguyễn Vũ T.

- 01 bì thư niêm phong, ký hiệu ĐTK, bên trong có 01 điện thoại di động Iphone 7, màu đen, số máy MN9D2LL/A, số Sêri FCHP606DG07R, không có sim, màn bị vỡ ở phần dưới, là tài sản của bị cáo K2 sử dụng vào việc phạm tội

nên điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 bì thư niêm phong, ký hiệu “ĐTH”, bên trong có 01 điện thoại di động bàn phím bấm, màu đen, nhãn hiệu N1280, số IMEI: 353408/04/807227/4 có gắn 01 sim mạng Viettel, tại thời điểm tạm giữ có số điện thoại 0963.985.080, trên sim có dãy số 8984048000920525855. Là tài sản của bị cáo H nhưng không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận với nhau về việc bồi thường, bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H (Mèo), Nguyễn Vũ T (M), Nguyễn T3 (M), Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D (Lác), Trần Đăng K4 (B) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 38, điểm s, b khoản 1 Điều 51, Điều 91 và 101 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn H (Mèo): 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/7/2023.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 38, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ T (M4): 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) tháng tù của bản án số 10/2023/HSPT ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Buộc bị cáo Nguyễn Vũ T phải chấp hành hình phạt: 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn T3 (Mọc): 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nhận được quyết định thi hành án. Miễn áp dụng chế định khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian thi hành cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 và 100 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Trung K1: 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nhận được quyết định thi hành án.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 và 100 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Thành C: 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nhận được quyết định thi hành án.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 và 100 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Tùng D (Lác): 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nhận được quyết định thi hành án.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 và 100 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Đức K2 (Bun): 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nhận được quyết định thi hành án.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Nguyễn T3, Đoàn Trung K1, Hoàng Thành C, Lê Tùng D cho Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố Đ; bị cáo Trần Đức K2 cho Ủy ban nhân dân Phường A2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây dao bằng kim loại, dài 160,5cm, cán bằng kim loại dạng trụ tròn, dài 120,5cm, đường kính 02cm, lưỡi bằng kim loại dài 40cm, rộng 7,5cm, mũi dao bằng, trên bề mặt lưỡi dính nhiều chất màu nâu, có khắc dòng chữ “HUNG”. Phần lưỡi dao đã được niêm phong; 01 cây dao bằng kim loại, kích thước dài 167cm, lưỡi bằng kim, dài 38cm, vị trí rộng nhất dài 7cm, cán bằng kim loại hình trụ tròn, đường kính 2cm, phần cuối cây dao 65cm có gắn 01 con vít bằng kim loại; 01 thanh kim loại hình trụ tròn dài 180cm, đường kính 2cm, một đầu rỗng, một đầu có gắn 02 thanh kim loại màu sáng, một đầu nhọn, mỗi thanh dài 45cm, hình trụ tròn; 01 ống kim loại dài 209cm, đường kính 02cm; 01 ống kim loại dài 68cm, đường kính 68cm, đường kính 02cm.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 xe mô tô Yamaha, loại Sirius, màu đen, BKS: 74K2-0756, số khung: RLCS5C6308Y087975, số máy: 5C63-087975

+ 01 xe mô tô Honda, loại DreamII, màu đen, BKS: 74F4-4601, số khung: HS1FD41A7Y1007331, số máy: CF100E006231.

+ 01 xe mô tô Yamaha, Exciter, màu đen, BKS: 74B1-05868, số khung: RLCE1S9407Y011073, số máy: 1S94-011073

+ 01 bì thư niêm phong, ký hiệu ĐTK, bên trong có 01 điện thoại di động Iphone 7, màu đen, số máy MN9D2LL/A, số Seri FCHP606DG07R, không có sim, màn bị vỡ ở phần dưới

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Vũ T: 01 điện thoại Iphone 11, màu trắng, số SERI: DX3F96WXN72K, số IMEI 1: 356871113684041, số IMEI 2: 356871113641132, bên trong có 01 thẻ sim, có dãy số: 8984048000332335679.

- Trả lại cho bà Trần Thị Ánh H5: 01 xe mô tô Yamaha, loại Sirius, màu đen, BKS: 74E1-061.23, số khung: RLCS3S3106Y052109, số máy: 3S31-052109.

- Trả lại cho bà Hoàng Nữ Hoài P2: 01 xe mô tô Honda, loại Wave Alpha, màu

trắng, BKS: 74C1-499.09, số khung: RLHJA3920NY126844, số máy: JA39E-2623760

- Trả lại cho Đào Văn K3: 01 điện thoại di động IPHONE 6, màu vàng, số IMEI: 356977069484557.

- Trả lại cho Trần Văn H: 01 ĐTDĐ bên trong bì thư niêm phong, ký hiệu “ĐTH”, bên trong có 01 điện thoại di động bàn phím bấm, màu đen, nhãn hiệu N1280, số IMEI: 353408/04/807227/4 có gắn 01 sim mạng Viettel, tại thời điểm tạm giữ có số điện thoại 0963.985.080, trên sim có dãy số 8984048000920525855.

(Các vật chứng hiện đang có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2023).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Công an huyện Cam Lộ (3 bản);
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND Phường 1, 5 tp Đông Hà;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý